

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 11 - 4 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Kim Bình

Ông Phạm Thanh Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Lê Anh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 19/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 2, L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Lê Văn C; chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng N – Chi nhánh huyện N, tỉnh Thanh Hoá; là người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng (Văn bản uỷ quyền ngày 01/12/2022 và ngày 11/02/2025).

- Bị đơn:

1. Ông Hà Lương T Sinh năm: 1979

2. Bà Phạm Thị L Sinh năm: 1976

3. Chị Hà Thị N Sinh năm: 1998

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt ông C, vắng mặt ông T, bà L, chị N. Ông T, bà L, chị N vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/8/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn C trình bày: Ngày 05/8/2019, ông Hà Lương T là người đại diện gia đình theo Giấy uỷ quyền ngày 04/7/2019 gửi phương án sử dụng vốn kiêm báo cáo đề xuất cho vay đến Ngân hàng N – Chi nhánh huyện n, tỉnh Thanh Hoá để đăng ký vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), mục đích vay: Đầu tư sản xuất, trang trải cuộc sống.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng thẩm định khách hàng đáp ứng các điều kiện vay vốn theo quy định và đồng ý cho vay theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 3510-LAV-201904509 ngày 05/8/2019, số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), mục đích vay: Đầu tư sản xuất, trang trải cuộc sống; phương thức vay: Từng lần, thời hạn cho vay: 48 tháng, lãi suất cho vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, hạn trả lãi là 03 tháng/kỳ vào ngày 04, định kỳ trả nợ gốc: ngày 04/8/2022 là 5.000.000đ, ngày 04/8/2023 là 95.000.000đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà L, chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng kể từ ngày 04/8/2023. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông T, bà L, chị N thanh toán tiền nợ nhưng ông T, bà L, chị N vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng. Tính đến ngày 11/4/2025, ông T, bà L, chị N đã trả được cho Ngân hàng số tiền là 117.278.222đ, trong đó tiền gốc là 78.000.000đ, tiền lãi là 39.278.222đ; còn nợ Ngân hàng tiền gốc và lãi theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 3510-LAV-201904509 ngày 05/8/2019 là 41.438.655đ (Bốn mươi một triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 22.000.000đ, nợ lãi là 19.438.655đ. Nay, ông yêu cầu Toà án buộc ông Hà Lương t, bà Phạm Thị L, chị Hà Thị N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 11/4/2025 là 41.438.655đ (Bốn mươi một triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 22.000.000đ, nợ lãi là 19.438.655đ. Ông T, bà L, chị N tiếp tục trả lãi theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 3510-LAV-201904509 ngày 05/8/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ ông Hà Lương T, bà Phạm Thị L, chị Hà Thị N để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N nhưng ông T, bà L, chị N không có mặt nên không có lời khai của ông T, bà L, chị N và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); ông C đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, ông T, bà L, chị N không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Về giao nhận,

tổng đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Hà Lương T, bà Phạm Thị L, chị Hà Thị N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ cả gốc và lãi theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 3510-LAV-201904509 ngày 05/8/2019 tính đến ngày 11/4/2025 là 41.438.655đ (Bốn mươi một triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 22.000.000đ, nợ lãi là 19.438.655đ. Ông T, bà L, chị N tiếp tục trả lãi theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 3510-LAV-201904509 ngày 05/8/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản vay. Ông T, bà L, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Hà Lương T, bà Phạm Thị L, chị Hà Thị N, cư trú tại Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá trả số tiền nợ theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn mà hai bên đã ký kết nên đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng ông T, bà L, chị N không có mặt nên Toà án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T, bà L, chị N theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Ông T, bà L, chị N đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng ông T, bà L, chị N đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án đã triệu tập họp lệ ông Hà Lương T, bà Phạm Thị L, chị Hà Thị N lần thứ hai đến Toà án để tham gia phiên toà nhưng ông T, bà L, chị N vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt ông T, bà L, chị N.

[2] Văn bản pháp luật áp dụng: Các bên ký kết Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 3510-LAV-201904509 vào ngày 05/8/2019 và vi phạm các điều khoản thoả thuận vào ngày 04/8/2023 nên áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 3510-LAV-201904509 ngày 05/8/2019 được ký kết giữa ông Hà Lương T (Đã được bà Phạm Thị L, chị Hà Thị N uỷ quyền) và Ngân hàng N thể hiện: số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), mục đích vay: Đầu tư sản xuất, trang trải cuộc sống; phương thức vay: Từng lần, thời hạn cho vay: 48 tháng, lãi suất cho vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, hạn trả lãi là 03 tháng/kỳ vào ngày 04, định kỳ trả nợ gốc: ngày 04/8/2022 là 5.000.000đ, ngày 04/8/2023 là 95.000.000đ.

Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn đã được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện và theo quy định của pháp luật. Trong đó nêu rõ số tiền vay, thời hạn vay, lãi trong hạn, lãi quá hạn cùng các điều khoản, nội dung, thỏa thuận khác. Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà L, chị N đã trả cho Ngân hàng đối với khoản vay trên được 117.278.222đ, trong đó tiền gốc là 78.000.000đ, tiền lãi là 39.278.222đ.

Kể từ ngày 04/8/2023 đến nay, ông T, bà L, chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm khoản 8 Điều 7 Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn. Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, yêu cầu người vay thanh toán nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng yêu cầu ông Hà Lương T, bà Phạm Thị L, chị Hà Thị N có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cả gốc và lãi theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 3510-LAV-201904509 ngày 05/8/2019 tính đến ngày 11/4/2025 là 41.438.655đ (Bốn mươi một triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 22.000.000đ, nợ lãi là 19.438.655đ. Ông T, bà L, chị N tiếp tục trả lãi theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 3510-LAV-201904509 ngày 05/8/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản vay. Yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên và đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Trả lại Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc.

Ông T, bà L, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 90; 91; 95; 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự; các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Hà Lương T, bà Phạm Thị L, chị Hà Thị N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ cả gốc và lãi theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 3510-LAV-201904509 ngày 05/8/2019 tính đến ngày 11/4/2025 là 41.438.655đ (Bốn mươi một triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 22.000.000đ, nợ lãi là 19.438.655đ.

Ông T, bà L, chị N tiếp tục trả lãi theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 3510-LAV-201904509 ngày 05/8/2019 kể từ ngày 12/4/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

2. Về án phí:

Ông Hà Lương T, bà Phạm Thị L, chị Hà Thị N phải chịu 2.071.000đ (Hai triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 2.214.000đ (Hai triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0004419 ngày 25/10/2024.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thịnh